

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ mở mới năm 2020 đối với các nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển giai đoạn 2017 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 18 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa”;

Căn cứ Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá rủi ro khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 23 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ mở mới năm 2020 (gồm 15 nhiệm vụ thực hiện theo phương thức tuyển chọn và 08 nhiệm vụ thực hiện theo phương thức giao trực tiếp) theo yêu cầu tại các Quyết định của Thủ tướng chính phủ giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện, bao gồm:

1. Chương trình phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực môi trường đến năm 2030 (theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 04 năm 2017);

2. Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển (theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25 tháng 04 năm 2017);

3. Chương trình thực hiện Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa” (theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 18 tháng 05 năm 2017);

4. Chương trình giám sát, đánh giá rủi ro khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển giai đoạn 2018 - 2020 (theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2017);

5. Chương trình thực hiện Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2018).

Chi tiết các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xét duyệt thuyết minh, thẩm định nội dung, dự toán kinh phí, trình phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu VT, Hồ sơ, KHCN, VTP.

Võ Tuấn Nhân

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020

Chương trình phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030

theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TNMT.2020.553.01: Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học và thức ăn chăn nuôi từ bã thải chế biến tinh bột sắn	1. Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh để lên men bã thải chế biến tinh bột sắn làm thức ăn chăn nuôi; 2. Xây dựng và triển khai được mô hình sản xuất thức ăn chăn nuôi từ bã sắn quy mô nhỏ.	1. Bộ chủng vi sinh vật: - Vi sinh vật phân giải cellulose có hoạt tính cellulase >30U/ml; - Vi khuẩn lactic có hoạt tính probiotic và hàm lượng axit lactic > 10 mg/ml; - Nấm men có hàm lượng protein/sinh khối khô >40%. 2. Chế phẩm vi sinh dạng rắn, mật độ vi sinh >10 ⁸ CFU/g: 50 kg; 3. Thức ăn lên men dạng lỏng, cân đối về dinh dưỡng sản xuất từ chất thải rắn đáp ứng tiêu chuẩn VSATTP: 5 tấn; 4. Quy trình Công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh phục vụ lên men chất thải rắn từ công nghệ sản xuất tinh bột	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			<p>sản quy mô 05 kg/mẻ;</p> <p>5. Quy trình công nghệ, mô hình thiết bị sản xuất thức ăn chăn nuôi từ bã thải chế biến tinh bột sản quy mô 200 kg/mẻ;</p> <p>6. Đánh giá hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi từ bã sản;</p> <p>7. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;</p> <p>8. 02 bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành;</p> <p>9. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>			
2	TNMT.2020.553.02: Nghiên cứu xử lý, tái sử dụng chất thải rắn chế biến tôm bằng công nghệ sinh học	<p>1. Xây dựng được quy trình công nghệ thu hồi protein bằng chế phẩm sinh học.</p> <p>2. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất chitin từ chất thải rắn chế biến tôm.</p>	<p>1. Quy trình công nghệ thu hồi protein bằng chế phẩm sinh học, quy mô 300 kg nguyên liệu/ngày.</p> <p>2. Quy trình công nghệ sản xuất chitin từ chất thải rắn chế biến tôm, quy mô 100 kg nguyên liệu/ngày.</p> <p>3. Chế phẩm protein dạng lỏng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng: 300 lít; - Hàm lượng protein: > 100 g/l; - Đáp ứng tiêu chuẩn làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. 	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			<p>4. Chế phẩm chitin thô:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng: 30 kg; - Hàm lượng protein dư <3%; - Hàm lượng khoáng < 1%; - Độ ẩm <10%; <p>5. Đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường của quy trình;</p> <p>6. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;</p> <p>7. 02 bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành;</p> <p>8. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>			
3	TNMT.2020.553.03: Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá độ an toàn của chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo vệ môi trường	<p>1. Làm rõ cơ sở khoa học phục vụ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá độ an toàn của chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo vệ môi trường;</p> <p>2. Dự thảo Bộ tiêu chí đánh giá độ an toàn của chế phẩm sinh học trong bảo vệ môi trường;</p>	<p>1. Báo cáo cơ sở khoa học phục vụ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá độ an toàn của chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo vệ môi trường;</p> <p>2. Bảng phân nhóm và xếp loại cho từng loại chế phẩm sinh học tùy theo các mục đích, ứng dụng trong từng lĩnh vực bảo vệ môi trường khác nhau theo 3 cấp độ an toàn gồm cấp độ 1 là độc tính cấp tính; cấp độ 2 là Độc tính sinh sản và cấp độ 3 là Độc tính hệ</p>	24 tháng	Giao trực tiếp cho Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Môi trường	1.600

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
		trường;	sinh thái; 3. Dự thảo Bộ tiêu chí đánh giá độ an toàn cho các chế phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam; 4. Báo cáo đánh giá thử nghiệm cho 03 loại chế phẩm đại diện: - Chế phẩm vi sinh; - Chế phẩm Enzym; - Các chất có hoạt tính sinh học. 5. 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.			
4	TNMT.2020.553.04: Nghiên cứu giải pháp quản lý và công nghệ xử lý phụ phẩm nông nghiệp bằng chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí vùng ven đô	1. Xác định được các hạn chế của chính sách, rào cản về kỹ thuật trong quản lý phụ phẩm nông nghiệp; 2. Triển khai được mô hình xử lý rơm rạ tại chỗ bằng chế phẩm sinh học làm phân bón tại khu vực sản xuất	1. Báo cáo thực trạng về cơ chế chính sách, rào cản về kỹ thuật trong quản lý phụ phẩm nông nghiệp. 2. Báo cáo mô hình xử lý rơm rạ tại chỗ bằng chế phẩm sinh học làm phân bón tại khu vực sản xuất nông nghiệp tại 06 xã thuộc các huyện Hoài Đức, Sóc Sơn, Quốc Oai, Hà Nội. 4. Dự thảo Đề án quản lý tổng hợp phụ phẩm nông nghiệp nhằm giảm	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
		nông nghiệp ven đô Thành phố Hà Nội; 3. Xây dựng được các mô hình quản lý tổng hợp rom rạ tại khu vực sản xuất nông nghiệp ven đô Thành phố Hà Nội.	thiếu ô nhiễm môi trường không khí. 5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 6. 02 bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành. 7. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.			

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020

Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Khoa học trái đất

theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TNMT.2020.562.01: Nghiên cứu xây dựng mô hình phát tán các kim loại nặng vào môi trường khu vực có khoáng sản sulfur.	1. Xác định được đặc điểm địa chất, địa hóa của các thành tạo địa chất khu vực có khoáng sản sulfur; 2. Xác định được các yếu tố tự nhiên tác động đến việc phát tán và hành vi địa hóa của các nguyên tố kim loại nặng trong môi trường tại một số khu vực có khoáng sản sulfur ở Miền Bắc Việt Nam; 3. Xây dựng được mô hình phát tán các nguyên tố kim loại nặng trong môi trường	1. Báo cáo đặc điểm địa chất, địa hóa của các thành tạo địa chất khu vực có khoáng sản sulfur đa kim; 2. Báo cáo về các yếu tố tự nhiên tác động đến việc phát tán và hành vi địa hóa của các nguyên tố kim loại nặng trong môi trường tại một số khu vực có khoáng sản sulfur ở Miền Bắc Việt Nam; 3. Mô hình phát tán các nguyên tố kim loại nặng trong môi trường đất và môi trường nước tại 03 khu vực có khoáng sản sulfur ở miền Bắc Việt Nam: - 01 Khu vực ở trạng thái tự nhiên; - 01 Khu vực đang khai thác; - 01 Khu vực kết thúc khai thác. 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
		đất và môi trường nước tại 03 khu vực có khoáng sản sulfur ở miền Bắc Việt Nam.	5. Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế/Hội nghị quốc tế (có phản biện); 6. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.			
2	TNMT.2020.562.02: Nghiên cứu dự báo tiềm năng khoáng sản thori ở Việt Nam và đề xuất kế hoạch điều tra, đánh giá tiếp theo	1. Đánh giá tổng quan về các loại hình khoáng sản thori ở Việt Nam (phần đất liền); 2. Xác lập được tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản thori ở Việt Nam; 3. Dự báo tiềm năng tài nguyên thori ở Việt Nam.	1. Báo cáo tổng quan về các loại hình khoáng sản thori ở Việt Nam (phần đất liền); 2. Báo cáo về tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản thori ở Việt Nam; 3. Báo cáo dự báo tiềm năng tài nguyên thori ở Việt Nam; 4. Sơ đồ số phân bố các diện tích có triển vọng về khoáng sản thori ở Việt Nam (phần đất liền và các vùng biển) tỷ lệ 1/1.000.000; 5. Bản đồ số quy luật phân bố và dự báo tiềm năng khoáng sản thori một số khu vực trọng điểm ở Việt Nam tỷ lệ 1/250.000; 6. Báo cáo đề xuất kế hoạch điều tra, đánh giá khoáng sản thori ở Việt Nam giai đoạn tiếp theo; 7. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;	30 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			8. Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành; 9. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.			
3	TNMT.2020.562.03: Nghiên cứu xây dựng mô hình địa chất - địa vật lý một số loại hình quặng vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti.	1. Tổng quan về các kiểu mỏ quặng vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti trên thế giới và Việt Nam; 2. Xác lập được bộ tiêu chí để xây dựng mô hình địa chất - địa vật lý một số loại hình quặng vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti; 3. Xây dựng được mô hình địa chất - địa vật lý một số loại hình quặng vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti.	1. Báo cáo tổng quan về các kiểu mỏ quặng vàng, đồng, thiếc, vonfram, liti trên thế giới và Việt Nam; 2. Bộ tiêu chí để xây dựng mô hình địa chất - địa vật lý một số loại hình quặng vàng, đồng, thiếc, vonfram, liti. 3. Các mô hình địa chất - địa vật lý, tổ hợp phương pháp địa vật lý hợp lý cho một số loại hình quặng: + Vàng: 02 kiểu mỏ; + Đồng: 02 kiểu mỏ; + Thiếc: 02 kiểu mỏ; + Wolfram: 02 kiểu mỏ; + Liti: 01 kiểu mỏ. 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt; 5. Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành; 6. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.	30 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn
4	TNMT.2020.562.04:	1. Xác định được cấu trúc 3 chiều của xoáy	1. Báo cáo mô tả về đặc điểm xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực Biển	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng) tuyển chọn
	Nghiên cứu cấu trúc của xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực Biển Đông phục vụ công tác dự báo ở Việt Nam	thuận nhiệt đới trên khu vực biển Đông; 2. Chỉ ra được mối liên hệ giữa cấu trúc, cường độ và hướng di chuyển của xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực nghiên cứu.	Đông; 2. Báo cáo khoa học mô tả cấu trúc 3 chiều của xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực Biển Đông trong một số hình thể điển hình; 3. Báo cáo về mối liên hệ giữa cấu trúc, cường độ và hướng di chuyển của xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực nghiên cứu; 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt; 5. 01 Bài báo quốc tế, 02 Bài báo trong nước; 6. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.			
5	TNMT.2020.562.05: Nghiên cứu hoạt động của tín phong (Trade wind) và ảnh hưởng đến thời tiết, khí hậu ở Việt Nam	1. Xác định được quy luật hoạt động của tín phong khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương; 2. Làm rõ được ảnh hưởng của tín phong đến thời tiết, khí hậu ở Việt Nam.	1. Báo cáo về quy luật hoạt động của tín phong khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương; 2. Báo cáo về ảnh hưởng tín phong đến thời tiết, khí hậu ở Việt Nam; 3. Báo cáo đánh giá tương tác giữa tín phong với ENSO, gió mùa và hệ quả thời tiết, khí hậu và cực đoan trên lãnh thổ Việt Nam (trên biển và đất liền); 4. Tập bản đồ synop (dạng số) đối với	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			<p>các hình thể synop điển hình về hoạt động của tín phong BCB tác động đến thời tiết, khí hậu ở Việt Nam;</p> <p>5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;</p> <p>6. 01 Bài báo quốc tế, 02 Bài báo trong nước;</p> <p>7. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>			
6	TNMT.2020.562.06: Nghiên cứu phát triển mô hình thủy văn thông số phân bố trong dự báo lũ cho các lưu vực sông ở Việt Nam.	<p>1. Xây dựng được phương pháp số giải bài toán ước tính thông số tối ưu cho mô hình thủy văn thông số phân bố;</p> <p>2. Xây dựng được công nghệ dự báo lũ bằng mô hình thủy văn thông số phân bố phục vụ vận hành tổ hợp các công trình hồ chứa lớn phù hợp với các lưu vực sông ở Việt Nam;</p>	<p>1. Báo cáo về phương pháp số giải bài toán ước tính thông số tối ưu cho mô hình thủy văn thông số phân bố;</p> <p>2. Phần mềm mã nguồn mở dự báo lũ bằng mô hình thủy văn thông số phân bố có sử dụng phương pháp ước tính thông số tối ưu;</p> <p>3. Quy trình công nghệ dự báo lũ bằng mô hình thủy văn thông số phân bố phục vụ vận hành tổ hợp các công trình hồ chứa lớn phù hợp với các lưu vực sông ở Việt Nam;</p> <p>4. Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm công nghệ dự báo lũ trong tính toán chế độ thay đổi dòng chảy và dự báo lũ trên một lưu vực sông;</p>	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt; 6. 01 Bài báo quốc tế, 02 Bài báo trong nước; 7. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.			

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020

Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Khoa học sự sống

theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TNMT.2020.562.07: Nghiên cứu, đánh giá hệ sinh thái đất ngập nước ven biển vườn quốc gia Côn Đảo, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững	<p>1. Đánh giá được tài nguyên và dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển vườn quốc gia (VQG) Côn Đảo;</p> <p>2. Xác định được sức chịu tải của các hệ sinh thái đất ngập nước ven biển VQG Côn Đảo cho hoạt động du lịch;</p> <p>3. Đề xuất giải pháp và quy định nhằm bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước ven biển và phát triển du lịch bền vững tại VQG Côn Đảo.</p>	<p>1. Báo cáo cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp và quy định bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước ven biển VQG Côn Đảo;</p> <p>2. Báo cáo đánh giá tổng thể tài nguyên và dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển VQG Côn Đảo;</p> <p>3. Báo cáo đánh giá sức chịu tải của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển VQG Côn Đảo cho hoạt động du lịch;</p> <p>4. Bản đồ dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển VQG Côn Đảo;</p> <p>5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;</p> <p>6. Bài báo khoa học: 02 bài báo;</p> <p>7. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
2	TNMT.2020.562.08: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp duy trì đặc tính sinh thái và cải thiện sinh kế cộng đồng tại một số khu Ramsar ở Việt Nam.	<p>1. Hệ thống được đặc tính sinh thái đất ngập nước tại 09 khu Ramsar của Việt Nam;</p> <p>2. Đánh giá được đặc tính sinh thái đất ngập nước tại 03 khu Ramsar của Việt Nam: Ba Bể, Xuân Thủy, Tràm Chim theo hướng dẫn của Công ước Ramsar;</p> <p>3. Đề xuất được các giải pháp nhằm duy trì đặc tính sinh thái đất ngập nước và cải thiện sinh kế cộng đồng tại 03 khu Ramsar: Ba Bể, Xuân Thủy, Tràm Chim.</p>	<p>1. Báo cáo tổng quan về đặc tính sinh thái đất ngập nước tại 09 khu Ramsar của Việt Nam;</p> <p>2. Báo cáo đánh giá đặc tính sinh thái đất ngập nước tại 03 khu Ramsar: Ba Bể, Xuân Thủy, Tràm Chim theo hướng dẫn của Công ước Ramsar;</p> <p>3. Bộ dữ liệu về đặc tính sinh thái đất ngập nước của 03 khu Ramsar: Ba Bể, Xuân Thủy, Tràm Chim;</p> <p>4. Báo cáo đề xuất giải pháp duy trì đặc tính sinh thái đất ngập nước và cải thiện sinh kế cộng đồng tại 03 khu Ramsar: Ba Bể, Xuân Thủy, Tràm Chim;</p> <p>5. Báo cáo đề xuất chương trình điều tra tổng thể cho các khu Ramsar của Việt Nam;</p> <p>6. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;</p> <p>7. Bài báo khoa học: 02 bài báo;</p> <p>8. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>	24 tháng	<p>Giao trực tiếp cho Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học.</p> <p>Phối hợp với Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật; Viện Tài nguyên và Môi trường; Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội</p>	1.900

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
3	TNMT.2020.562.09: Nghiên cứu tiềm năng bảo tồn và phát triển tài nguyên ốc núi ở khu vực Đông Bắc Việt Nam	<p>1. Đánh giá được nguồn tài nguyên ốc núi và hiện trạng bảo tồn ở khu vực Đông Bắc Việt Nam.</p> <p>2. Đánh giá được hiện trạng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên ốc núi có giá trị thực tiễn khu vực Đông Bắc Việt Nam.</p> <p>3. Đề xuất giải pháp bảo tồn và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên ốc núi khu vực Đông Bắc Việt Nam.</p>	<p>1. Danh mục các loài ốc núi khu vực Đông Bắc Việt Nam;</p> <p>2. Bản đồ số phân bố về tài nguyên ốc núi khu vực Đông Bắc Việt Nam tỷ lệ 1/100.000;</p> <p>3. Báo cáo về nguồn tài nguyên ốc núi và hiện trạng bảo tồn khu vực Đông Bắc Việt Nam;</p> <p>4. Báo cáo hiện trạng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên ốc núi khu vực Đông Bắc Việt Nam;</p> <p>5. Báo cáo đề xuất giải pháp bảo tồn và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên ốc núi khu vực Đông Bắc Việt Nam.</p> <p>6. Atlas điện tử các loài ốc núi có giá trị ở khu vực Đông Bắc Việt Nam.</p> <p>7. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt.</p> <p>8. Bài báo khoa học: 01 bài báo quốc tế (ISI/SCOPUS), 02 bài báo đăng trong tạp chí chuyên ngành</p> <p>9. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020**Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Khoa học biển****theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TNMT.2020.562.10: Nghiên cứu đánh giá xói lở, bồi tụ, tạo đảo và đề xuất giải pháp tổng thể nhằm ổn định vùng cửa sông Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam.	<p>1. Làm rõ được hiện trạng, diễn biến của quá trình xói lở, bồi tụ và tạo đảo vùng cửa sông Thu Bồn;</p> <p>2. Đánh giá được nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng và dự báo xu thế phát triển của quá trình xói lở, bồi tụ tạo đảo vùng cửa sông Thu Bồn;</p> <p>3. Đánh giá được tác động, rủi ro của quá trình biến đổi vùng cửa sông và đề xuất được giải pháp tổng thể phòng tránh thiên tai và</p>	<p>1. Báo cáo đánh giá hiện trạng và diễn biến xói lở, bồi tụ tạo đảo vùng cửa sông Thu Bồn;</p> <p>2. Báo cáo đánh giá nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng và dự báo xu thế phát triển của quá trình xói lở, bồi tụ tạo đảo vùng cửa sông Thu Bồn;</p> <p>3. Mô hình dự báo diễn biến xói lở, bồi tụ tạo đảo vùng cửa sông Thu Bồn đến năm 2030 và tầm nhìn 2050;</p> <p>4. Báo cáo đánh giá tác động, rủi ro của quá trình biến đổi vùng cửa sông và đề xuất được giải pháp tổng thể phòng tránh thiên tai và ổn định vùng cửa sông Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam;</p> <p>5. Danh mục các dự án ưu tiên nhằm</p>	30 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
		<p>Ổn định vùng cửa sông Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam.</p>	<p>Ổn định vùng bờ cửa sông Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam;</p> <p>6. Các bản đồ số và bộ dữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bản đồ tỷ lệ 1/25.000: (1) Bản đồ địa mạo; (2) Bản đồ diễn biến xói lở, bồi tụ qua các giai đoạn; (3) Bản đồ hiện trạng các tai biến; (4) Bản đồ dự báo diễn biến tai biến theo các giai đoạn; (5) Bản đồ cảnh báo các tai biến thiên nhiên. - Các bản đồ tỷ lệ 1/5.000: (1) Bản đồ biến động của đảo khu vực cửa sông Thu Bồn. (2) Bản đồ biến động Cửa Đại. - Bộ dữ liệu trên nền Hệ thống thông tin địa lý (GIS): Các tài liệu thu thập, số liệu đo đạc bổ sung. <p>7. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;</p> <p>8. 01 Bài báo quốc tế, 02 Bài báo trong nước;</p> <p>9. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>			

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
2	TNMT.2020.562.11: Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng quy định kỹ thuật đánh giá tác động tích lũy đến môi trường trầm tích, nước và hệ sinh thái môi trường vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp.	<p>1. Xác định được các bộ tiêu chí đánh giá tác động tích lũy đến môi trường trầm tích, nước và hệ sinh thái môi trường vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp.</p> <p>2. Xây dựng được quy định kỹ thuật đánh giá tác động đánh giá tác động tích lũy đến môi trường trầm tích, nước và hệ sinh thái môi trường vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp.</p> <p>3. Áp dụng thử nghiệm đánh giá tại 01 vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp từ các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế;</p>	<p>1. Báo cáo cơ sở khoa học để xác định các bộ tiêu chí đánh giá tác động tích lũy đến môi trường trầm tích, nước và hệ sinh thái môi trường vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp;</p> <p>2. Bộ tiêu chí đánh giá tác động tích lũy đến môi trường trầm tích, nước và hệ sinh thái môi trường vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp;</p> <p>3. Dự thảo quy định kỹ thuật đánh giá tác động đánh giá tác động tích lũy đến môi trường trầm tích, nước và hệ sinh thái môi trường vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp;</p> <p>4. Hướng dẫn thực hiện quy định kỹ thuật đánh giá tác động đánh giá tác động tích lũy đến môi trường trầm tích, nước và hệ sinh thái môi trường vùng biển ven bờ có các khu công nghiệp;</p> <p>5. Bài báo khoa học quốc tế trong danh mục ISI/SCOPUS: 01; Bài báo khoa học trong nước: 02.</p> <p>6. Hỗ trợ đào tạo 01 tiến sỹ.</p>	30 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020**Chương trình Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa”**

theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 18 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TNMT.2020.667.01. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng quy định về hệ thống hóa và số hóa thông tin, tích hợp thông tin nhằm quản lý dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường trên Hệ tri thức Việt số hóa.	1. Xây dựng được quy định về hệ thống hóa và số hóa thông tin ngành tài nguyên và môi trường phục vụ Hệ tri thức Việt số hóa. 2. Đề xuất được các giải pháp tích hợp dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường lên Hệ tri thức Việt số hóa.	1. Danh mục dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường công bố trên Hệ tri thức Việt số hóa; 2. Báo cáo đặc tả kiến trúc kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường; 3. Dự thảo quy định về việc cập nhật dữ liệu công bố trên Hệ tri thức Việt số hóa; 4. Báo cáo giải pháp tích hợp dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường trên Hệ tri thức Việt số hóa; 5. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt; 6. Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.	24 tháng	Giao trực tiếp cho Trung tâm Công nghệ phần mềm và GIS, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.	1.800

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
2	TNMT.2020.667.02. Nghiên cứu, xây dựng kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường và tích hợp vào Hệ trí thức Việt số hóa	<p>1. Làm chủ công nghệ xây dựng kho dữ liệu mở (Datawarehouse) ngành tài nguyên và môi trường, với định hướng hỗ trợ tích hợp vào Hệ trí thức Việt số hóa;</p> <p>2. Xây dựng được kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường và tích hợp vào Hệ trí thức Việt số hóa.</p>	<p>1. Báo cáo đặc tả giải pháp phục vụ xây dựng kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường và công nghệ hỗ trợ tích hợp vào Hệ trí thức Việt số hóa;</p> <p>2. Tài liệu phân tích thiết kế kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường và công nghệ hỗ trợ tích hợp vào Hệ trí thức Việt số hóa;</p> <p>3. Hệ thống quản lý kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường hỗ trợ tích hợp vào Hệ trí thức Việt số hóa;</p> <p>4. Báo cáo thử nghiệm kho dữ liệu mở cho lĩnh vực đo đạc và bản đồ, quản lý đất đai, môi trường tích hợp vào Hệ trí thức Việt số hóa;</p> <p>5. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt;</p> <p>6. Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành;</p> <p>7. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020
Chương trình giám sát, đánh giá rủi ro khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển giai đoạn
2018 - 2020 theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TNTM.2020.1862.01: Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng Quy định kỹ thuật xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn.	<p>1. Xây dựng được cơ sở khoa học về xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn;</p> <p>2. Xác định được bộ tiêu chí, các nội dung thể hiện trên bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn phù hợp với các quy định quốc tế;</p> <p>3. Xây dựng được quy định kỹ thuật xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn.</p>	<p>1. Báo cáo cơ sở khoa học về xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn;</p> <p>2. Bộ tiêu chí, các nội dung thể hiện trên bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn phù hợp với các quy định quốc tế;</p> <p>3. Dự thảo và trình ban hành Thông tư quy định kỹ thuật xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn;</p> <p>4. Kết quả thử nghiệm xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn tại Vịnh Đà Nẵng;</p> <p>5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;</p> <p>6. 02 Bài báo trong nước;</p> <p>7. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p>	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020**Chương trình Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam****nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”****theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TNMT.2020.996.01. Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng quy định về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực đo đạc bản đồ.	<p>1. Xây dựng danh mục phương tiện đo trong lĩnh vực đo đạc bản đồ cần kiểm định và hiệu chuẩn;</p> <p>2. Xây dựng dự thảo các quy định kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn cho các máy toàn đạc điện tử, thủy chuẩn hình học, GNSS;</p> <p>3. Thử nghiệm mô hình bãi kiểm định các máy toàn đạc điện tử, thủy chuẩn hình học, GNSS.</p>	<p>1. Báo cáo về cơ sở khoa học lựa chọn danh mục và các yêu cầu kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực đo đạc bản đồ;</p> <p>2. Danh mục phương tiện đo trong lĩnh vực đo đạc bản đồ cần kiểm định, hiệu chuẩn;</p> <p>3. Dự thảo các quy định kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn cho các máy toàn đạc điện tử, thủy chuẩn hình học, GNSS;</p> <p>4. Hồ sơ thiết kế bãi kiểm định các máy toàn đạc điện tử, thủy chuẩn hình học, GNSS.</p> <p>5. Mô hình bãi kiểm định các máy toàn đạc điện tử, thủy chuẩn hình học, GNSS;</p> <p>6. Phần mềm quản lý, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực đo đạc bản đồ;</p>	30 tháng	Giao trực tiếp cho Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	2.500

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			7. 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; 8. Đào tạo 01 Thạc sỹ.			
2	TNMT.2020.996.02. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	1. Xây dựng được danh mục phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn cần kiểm định và hiệu chuẩn; 2. Xây dựng dự thảo các quy định kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; 3. Xây dựng Phần mềm, cơ sở dữ liệu quản lý, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.	1. Báo cáo về cơ sở khoa học lựa chọn danh mục và các yêu cầu kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; 2. Danh mục phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn cần kiểm định, hiệu chuẩn; 3. Dự thảo các quy định kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn cho các phương tiện đo: nhiệt độ; độ ẩm; khí áp; mưa; gió; mực nước; 4. Phần mềm quản lý, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; 5. Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; 6. 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành;	24 tháng	Giao trực tiếp Trung tâm Quan trắc khí tượng thủy văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.	1.800

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			7. Đào tạo 01 Thạc sỹ.			
3	TNMT.2020.996.03. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện quy trình kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản.	<p>1. Xây dựng được danh mục phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản;</p> <p>2. Xây dựng dự thảo các quy định kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản;</p> <p>3. Xây dựng Phần mềm, cơ sở dữ liệu quản lý, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản</p>	<p>1. Báo cáo về cơ sở khoa học lựa chọn danh mục và các yêu cầu kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản;</p> <p>2. Danh mục phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản cần kiểm định, hiệu chuẩn;</p> <p>3. Dự thảo các quy định kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn cho các phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản;</p> <p>4. Phần mềm quản lý, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản;</p> <p>5. Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.</p> <p>6. 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành;</p> <p>7. Đào tạo 01 Thạc sỹ.</p>	24 tháng	Giao trực tiếp cho Liên đoàn Vật lý địa chất, Tổng cục địa chất và khoáng sản Việt Nam	1.800
4	TNMT.2020.996.04.	1. Xây dựng được	1. 01 Quy trình chế tạo mẫu chuẩn	24 tháng	Giao trực	1.800

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
	<p>Nghiên cứu chế tạo bộ mẫu chuẩn phân tích thí nghiệm quặng vàng, đồng, chì trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản</p>	<p>quy trình chế tạo bộ mẫu chuẩn quặng vàng theo các đối tượng quặng, cấp hàm lượng khác nhau dùng trong phân tích thí nghiệm địa chất;</p> <p>2. Chế tạo 03 bộ mẫu chuẩn quặng Vàng, đồng, chì dùng trong phân tích thí nghiệm địa chất.</p>	<p>quặng vàng theo các đối tượng quặng, hàm lượng khác nhau dùng trong phân tích thí nghiệm địa chất dạng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (TCVN) “Mẫu chuẩn quặng vàng - Phương pháp chế tạo”</p> <p>2. Bộ mẫu chuẩn phân tích thí nghiệm quặng vàng, đồng, chì:</p> <p>2.1. Số lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 bộ mẫu chuẩn quặng vàng cho 02 loại hình khoáng sản điển hình, mỗi loại hình gồm 02 cấp hàm lượng; - 04 bộ mẫu chuẩn quặng đồng cho 02 loại hình khoáng sản điển hình, mỗi loại hình gồm 02 cấp hàm lượng; - 04 bộ mẫu chuẩn quặng chì cho 02 loại hình khoáng sản điển hình, mỗi loại hình gồm 02 cấp hàm lượng. <p>2.2. Khối lượng: 05kg/01 bộ mẫu.</p> <p>3. Báo cáo tổng hợp của nhiệm vụ;</p> <p>4. 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước;</p> <p>5. Đăng ký bảo hộ bản quyền sản phẩm</p>		<p>tiếp Trung tâm Phân tích thí nghiệm địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam</p>	

TT	Mã, tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
			mẫu chuẩn được chế tạo.			
5	TNMT.2020.996.05. Nghiên cứu chế tạo Hệ thống chuẩn phục vụ kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị đo bụi trong môi trường không khí.	1. Tổng quan được phương pháp, công nghệ chế tạo hệ thống chuẩn phục vụ kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị đo bụi trong môi trường không khí; 2. Tích hợp giải pháp thiết kế và chế tạo được hệ thống chuẩn phục vụ kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị đo bụi trong môi trường không khí.	1. Báo cáo tổng quan phương pháp, công nghệ chế tạo hệ thống chuẩn phục vụ kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị đo bụi trong môi trường không khí; 2. Hệ thống chuẩn phục vụ kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị đo bụi trong môi trường không khí được tổ chức chứng nhận xác nhận; 3. 02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành; 4. Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ.	24 tháng	Tuyển chọn	Theo kết quả tuyển chọn